

Số: 24718/TB-VCB-TCKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 06 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 633/NQ-VCB-HĐQT ngày 04/11/2025 của Hội đồng quản trị VCB v/v phê duyệt bán/chuyển nhượng các cơ sở nhà, đất VCB không có nhu cầu sử dụng

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với các nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: **NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCB)**
- Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

2. Thông tin tài sản đấu giá:

1. QSD đất tại Đắk Lắk:

- Diện tích QSD đất: 45 m²
- Địa chỉ tài sản: Phường Tân Tiến, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là số 37 Điện Biên Phủ - phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).
- Giá khởi điểm: 7.969.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu đồng*)

2. QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại Sóc Trăng (Tòa nhà Phương Nam).

- Diện tích: QSD đất: 4.033,7 m²; Công trình xây dựng: 2.577,5 m²

- Địa chỉ tài sản: Khóm 2 phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Km 2127 đường Võ Văn Kiệt, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ).

- Giá khởi điểm: 36.086.872.345 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ không trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng*).

3. QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại Tam Đảo (Khách sạn Hương Rừng).

- Diện tích QSD đất: 1.064,9 m².

- Địa chỉ tài sản: Tổ dân phố 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tổ dân phố 1, xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ).

- Giá khởi điểm: 63.988.079.655 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ chín trăm tám mươi tám triệu không trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng*).

*** Tổng giá trị theo giá khởi điểm của cả 03 (ba) tài sản: 108.043.952.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ không trăm bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

3. Tiêu chí và hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp, chi tiết theo **phụ lục Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá đính kèm**

- Tổ chức đấu giá tài sản nộp 01 bộ Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn bằng bản giấy, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

- Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia của mình.

4. Cách thức lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Căn cứ hồ sơ đăng ký tham gia của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, VCB chấm điểm theo các tiêu chí tại Bảng tiêu chí đánh giá chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản kèm theo Thông báo này. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại.

- Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì tổ chức nào có tổng thù lao dịch vụ đấu giá và chi phí đấu giá thấp hơn sẽ được lựa chọn.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia:

- Thời gian nhận hồ sơ: trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (trong giờ hành chính);

- Hồ sơ nộp trực tiếp theo địa chỉ sau:

- ✓ Đơn vị nhận hồ sơ: Phòng Tài chính kế toán - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- ✓ Địa chỉ: Tầng 11 – Tòa nhà Vietcombank – 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ✓ Cán bộ tiếp nhận: Lê Thị Hồng Nhung – Điện thoại liên hệ: 0936461883

Lưu ý:

- + Người đến nộp hồ sơ mang theo Giấy giới thiệu, căn cước công dân (giấy ủy quyền nếu có).
- + Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam sẽ không hoàn trả lại hồ sơ cho các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được lựa chọn.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Cổng TTĐT Quốc gia về ĐGTS;
- TGD (để b/cáo);
- Ban MK&TT (để thực hiện)
- Lưu: VT; TCKT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Tùng

**PHỤ LỤC : BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ,
CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại (điểm e) Khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)	3,0
2	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ở một trong số tỉnh thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh	2,0
3.	Có nhiều thời gian, kinh nghiệm thực hiện cuộc/phiên đấu giá tài sản bằng hình thức trực tuyến nhất (Căn cứ theo Quyết định phê duyệt tổ chức đấu giá đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến do Sở Tư pháp cấp) - Chi chấm điểm cho tổ chức hành nghề đấu giá có nhiều thời gian, kinh nghiệm nhất	3,0
Tổng số điểm		100

